

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>Trang</u> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng Cân đối kế toán riêng | 6 - 7 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 8 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng | 9 |
| Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng | 10 - 37 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300391837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 06/7/2004, thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/8/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: VIETTRONICS TAN BINH JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VTB.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300391837 thay đổi lần thứ 14 ngày 22/8/2025 là 120.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: VTB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|----------------------|---|
| Ông Trần Đình Khôi | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/12/2025) |
| Ông Phạm Nguyên Anh | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025, miễn nhiệm ngày 01/12/2025) Thành viên (từ ngày 01/12/2025) |
| Ông Vũ Hải Vĩnh | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025) |
| Ông Nguyễn Đức Tường | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025) |
| Ông Giáp Minh Trung | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025) |
| Ông Văn Viết Tuấn | Thành viên |
| Ông Đào Trung Thanh | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

| | |
|-----------------------|--|
| Bà Lê Thị Lan | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Phước Hiệp | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025) |
| Bà Đặng Thị Hạnh | Thành viên |
| Ông Vũ Văn Tuấn | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025) |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|---------------------|-------------------|
| Ông Văn Viết Tuấn | Tổng Giám đốc |
| Ông Đào Trung Thanh | Phó Tổng Giám đốc |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Văn Viết Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Số: 83/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình, được lập ngày 12/3/2026, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 03/3/2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| TÀI SẢN | MS | TM | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|------------|------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 116.292.929.869 | 110.192.419.336 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 861.061.501 | 9.453.166.163 |
| 1. Tiền | 111 | | 861.061.501 | 2.453.166.163 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 7.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 74.500.000.000 | 65.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 74.500.000.000 | 65.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 19.023.250.499 | 17.997.290.389 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 25.533.288.474 | 22.693.667.335 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 892.846.798 | 1.558.006.566 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 1.681.690.850 | 2.244.390.821 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (9.084.575.623) | (8.498.774.333) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.7 | 16.156.223.804 | 13.332.614.413 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 18.156.959.675 | 15.333.350.284 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (2.000.735.871) | (2.000.735.871) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5.752.394.065 | 4.409.348.371 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.8 | 5.752.394.065 | 4.409.348.371 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260) | 200 | | 111.468.436.106 | 115.008.095.336 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 18.678.926.131 | 18.215.447.540 |
| 1. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | 5.4 | 18.215.447.540 | 18.215.447.540 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.5 | 463.478.591 | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 58.165.294.575 | 62.700.445.235 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.9 | 41.916.898.109 | 45.824.323.333 |
| - Nguyên giá | 222 | | 131.783.904.688 | 130.856.326.910 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (89.867.006.579) | (85.032.003.577) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.10 | 16.248.396.466 | 16.876.121.902 |
| - Nguyên giá | 228 | | 26.724.994.698 | 26.724.994.698 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (10.476.598.232) | (9.848.872.796) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 9.330.512.273 | 9.330.512.273 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.11 | 9.330.512.273 | 9.330.512.273 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 23.102.425.277 | 23.073.655.112 |
| 1. Đầu tư vào Công ty con | 251 | | 9.710.300.000 | 9.710.300.000 |
| 2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 17.500.000.000 | 17.500.000.000 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (4.107.874.723) | (4.136.644.888) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.191.277.850 | 1.688.035.176 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.8 | 1.187.274.408 | 795.587.672 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 5.12 | 1.004.003.442 | 892.447.504 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 227.761.365.975 | 225.200.514.672 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | | 42.086.612.864 | 45.115.996.038 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 16.523.073.122 | 22.220.842.042 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 6.114.879.122 | 225.296.008 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 414.129.866 | 9.239.464 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.14 | 2.367.593.111 | 1.668.665.740 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 3.685.651.000 | 4.901.028.000 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.15 | 3.419.738.230 | 2.383.073.723 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 261.600.000 | 261.600.000 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.16 | 248.765.701 | 9.909.744.015 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.17 | - | 2.854.779.000 |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 10.716.092 | 7.416.092 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 25.563.539.742 | 22.895.153.996 |
| 1. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 5.15 | 15.720.017.195 | 12.962.237.505 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.16 | 9.843.522.547 | 9.932.916.491 |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | | 185.674.753.111 | 180.084.518.634 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.18 | 185.674.753.111 | 180.084.518.634 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 119.820.500.000 | 119.820.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 119.820.500.000 | 119.820.500.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 69.306.398.800 | 69.306.398.800 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (22.877.138.591) | (22.877.138.591) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 7.335.740.792 | 7.335.740.792 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 12.089.252.110 | 6.499.017.633 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 727.209.633 | 303.657.578 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 11.362.042.477 | 6.195.360.055 |
| II- Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 227.761.365.975 | 225.200.514.672 |

Người lập biểu



Hà Ngọc Yến

Kế toán trưởng



Trương Thị Thùy Linh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Văn Viết Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-----------|------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | (Trình bày lại) VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 128.184.109.686 | 102.110.712.598 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.1 | 110.350.047 | 58.962.384 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | 6.1 | 128.073.759.639 | 102.051.750.214 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 59.646.710.180 | 50.360.029.006 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 68.427.049.459 | 51.691.721.208 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 3.235.254.727 | 3.000.328.639 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 1.511.236 | 54.966.241 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>30.281.401</i> | <i>60.243.716</i> |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 34.693.397.104 | 24.525.657.856 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 15.971.407.878 | 15.562.360.851 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 20.995.987.968 | 14.549.064.899 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 202.450.915 | 271.496.997 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.7 | 228.910.782 | 284.960.554 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | 6.7 | (26.459.867) | (13.463.557) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 20.969.528.101 | 14.535.601.342 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.8 | 4.316.781.562 | 3.049.537.225 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 6.9 | (111.555.938) | (111.555.938) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 16.764.302.477 | 11.597.620.055 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hà Ngọc Yên

Trương Thị Thùy Linh

Văn Viết Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| CHỈ TIÊU | MS TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|--------|-------------------------|------------------------|
| | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 20.969.528.101 | 14.535.601.342 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | 02 | 5.462.728.438 | 5.592.454.841 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 557.031.125 | 1.594.722.525 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (3.154.499.884) | (2.920.539.590) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 30.281.401 | 60.243.716 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 23.865.069.181 | 18.862.482.834 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (1.759.174.239) | (2.591.526.876) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (2.823.609.391) | 5.221.669.396 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 8.441.202.141 | (510.346.208) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (1.734.732.430) | (1.670.219.052) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (30.281.401) | (60.243.716) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (3.273.826.277) | (1.997.838.566) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (1.446.700.000) | (1.563.122.092) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 21.237.947.584 | 15.690.855.720 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (927.577.778) | (820.465.172) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (83.000.000.000) | (103.500.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 73.500.000.000 | 93.500.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.838.434.132 | 4.639.973.836 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (7.589.143.646) | (6.180.491.336) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 9.130.000.000 | 12.021.557.934 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (11.984.779.000) | (10.426.778.934) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (19.386.129.600) | (3.336.098.400) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (22.240.908.600) | (1.741.319.400) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40) | 50 | (8.592.104.662) | 7.769.044.984 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 9.453.166.163 | 1.684.121.179 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61) | 70 5.1 | 861.061.501 | 9.453.166.163 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Hà Ngọc Yến

Trương Thị Thùy Linh

Văn Viết Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300391837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 06/7/2004, thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/8/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: VIETTRONICS TAN BINH JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VTB.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300391837 thay đổi lần thứ 14 ngày 22/8/2025 là 120.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: VTB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 93 người (tại ngày 31/12/2024 là 97 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đào tạo sơ cấp; Đào tạo trung cấp; Đào tạo đại học; Đào tạo thạc sỹ;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục tiểu học.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng, vật tư y tế, và kinh doanh dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---|---|--|--|------------------------|---------------|---------------|
| <u>Các Công ty con trực tiếp</u> | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| 2 | Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB | 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng | 70,00% | 70,00% | 70,00% |
| 3 | Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội | P.601, số 18 Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội | Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng | 81,86% | 81,86% | 81,86% |
| <u>Các Công ty liên kết</u> | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc | Lô CN07-02, Khu Công nghiệp Bình Xuyên 2, Xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ | Khai thác cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ | 43,75% | 43,75% | 43,75% |

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

Tên đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

- Nhà máy Sản xuất Lắp ráp Điện tử, Điện dân dụng và Tin học Cát Lái

Chi nhánh Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình tại Hà Nội

Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình

- Nhà máy sản xuất, lắp ráp Ti vi màu

Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình

- Nhà máy Sản xuất Lắp ráp các sản phẩm điện tử - điện lạnh - dân dụng

Các Chi nhánh trực thuộc của Công ty hạch toán phụ thuộc và không tổ chức bộ máy kế toán riêng.

Địa chỉ

Lô B5, Đường D1, KCN Cát Lái 2, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh

P.601, số 18 Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

B58/II-B59/II đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2025.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Phải thu khách hàng): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2025.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con, Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|-------------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 03 - 10 |
| Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 46 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan, bao gồm khoản phải trả giữa Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí dịch vụ: Trích trước dựa theo Hợp đồng, thỏa thuận khi chưa nhận được hóa đơn tài chính có liên quan.
- Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lát: Trích trước dựa trên số tiền thuê đất đã thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê đất tại Khu công nghiệp cho thời hạn sử dụng đất, trong vòng 48 năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Nếu khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo thì được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, không bao gồm (loại trừ) khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp, (khoản chênh lệch này) thì được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, được trích lập theo số lượng sản phẩm điện tử bán ra, tỷ lệ hư hỏng trong quá khứ, với thời gian trích lập theo thời gian bảo hành mà Công ty cam kết với khách hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước từ số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (các mặt hàng điện tử, thiết bị y tế), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; Không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 62.016.840 | 3.289.087 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 799.044.661 | 2.449.877.076 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 7.000.000.000 |
| Tổng | 861.061.501 | 9.453.166.163 |

5.2 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2025 (VND) | | 01/01/2025 (VND) | |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 74.500.000.000 | 74.500.000.000 | 65.000.000.000 | 65.000.000.000 |
| Tổng | 74.500.000.000 | 74.500.000.000 | 65.000.000.000 | 65.000.000.000 |

Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất áp dụng là 4,1%/năm đến 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**b. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

| | Tỷ lệ | | 31/12/2025 (VND) | | | 01/01/2025 (VND) | | |
|---|----------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Vốn năm giữ | Quyền biểu quyết | Giá gốc | Giá trị hợp lý (i) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý (i) | Dự phòng |
| Đầu tư vào Công ty con | | | 9.710.300.000 | | (4.107.874.723) | 9.710.300.000 | | (4.136.644.888) |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | 51,00% | 51,00% | 3.150.300.000 | | (1.047.874.723) | 3.150.300.000 | | (1.076.644.888) |
| Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội | 81,86% | 81,86% | 3.060.000.000 | | (3.060.000.000) | 3.060.000.000 | | (3.060.000.000) |
| Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB | 70,00% | 70,00% | 3.500.000.000 | | - | 3.500.000.000 | | - |
| Đầu tư vào Công ty liên kết | | | 17.500.000.000 | | - | 17.500.000.000 | | - |
| Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc | 43,75% | 43,75% | 17.500.000.000 | | - | 17.500.000.000 | | - |
| Tổng | | | 27.210.300.000 | | (4.107.874.723) | 27.210.300.000 | | (4.136.644.888) |

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | 8.225.636.488 | 7.742.009.224 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm PHARMACITY | 3.865.015.701 | 2.234.691.015 |
| Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội | 8.969.487.575 | 8.927.262.165 |
| Các đối tượng khác | 4.473.148.710 | 3.789.704.931 |
| Tổng | 25.533.288.474 | 22.693.667.335 |

Trong đó,

*Phải thu khách hàng là các bên liên quan
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

| | |
|-----------------------|-----------------------|
| <i>17.362.460.583</i> | <i>16.910.904.019</i> |
|-----------------------|-----------------------|

5.4 Trả trước cho người bán

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a) Ngắn hạn | 892.846.798 | 1.558.006.566 |
| Oceanview (Guangdong) Sci-Tech Co., Ltd. | 346.198.125 | - |
| Fudio Technology Limited | 390.434.129 | 1.417.727.644 |
| Các đối tượng khác | 156.214.544 | 140.278.922 |
| b) Dài hạn | 18.215.447.540 | 18.215.447.540 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 (i) | 18.215.447.540 | 18.215.447.540 |
| Tổng | 19.108.294.338 | 19.773.454.106 |

- (i) Khoản trả trước liên quan đến Hợp đồng nguyên tắc thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2) tại phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết về Hợp đồng nguyên tắc thuê đất liên quan đến khoản nợ tiềm tàng của Công ty, chi tiết tại Thuyết minh số 7.2.

S.D.N
 C
 T
 KIẾ
 CPA
 HỒ H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Phải thu khác

| | 31/12/2025 (VND) | | 01/01/2025 (VND) | |
|---|----------------------|----------|----------------------|---------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | 1.681.690.850 | - | 2.244.390.821 | (36.671.526) |
| - Phải thu người lao động | 63.000.000 | - | 929.104.000 | - |
| - Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 32.226.464 | - | 15.426.464 | - |
| - Phải thu khác | 1.586.464.386 | - | 1.299.860.357 | (36.671.526) |
| + <i>Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</i> | <i>1.574.516.438</i> | - | <i>1.258.450.686</i> | - |
| + <i>Các khoản khác</i> | <i>11.947.948</i> | - | <i>41.409.671</i> | <i>(36.671.526)</i> |
| b) Dài hạn | 463.478.591 | - | - | - |
| - Phải thu khác | 463.478.591 | - | - | - |
| + <i>Phải thu về Hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)</i> | <i>463.478.591</i> | - | - | - |
| Tổng | 2.145.169.441 | - | 2.244.390.821 | (36.671.526) |
| <i>Trong đó,</i> | | | | |
| <i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i> | <i>475.426.539</i> | - | <i>4.738.145</i> | - |

(i) Các hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm:

- Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 001/2025/HĐHTKD ngày 15/4/2025 về việc hợp tác khai thác quảng cáo trên tivi để triển khai cho khách hàng của các bên góp vốn tại các địa điểm công cộng đông người. Theo đó, Công ty cùng 3 đơn vị khác góp vốn cho hoạt động hợp tác kinh doanh mà không hình thành pháp nhân, tỷ lệ góp vốn mỗi đơn vị là 25% trên tổng số vốn góp của hoạt động hợp tác kinh doanh. Việc phân chia lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh căn cứ trên giá trị Hợp đồng từ các khách hàng mà các đơn vị tìm kiếm được, đơn vị nào tìm kiếm được khách hàng sẽ được phân chia 40% trên giá trị Hợp đồng sau khi Hợp đồng được ký kết thành công.
- Hợp đồng hợp tác Đầu tư kinh doanh Dịch vụ trạm sạc V-Green ngày 20/6/2025 với Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB để triển khai đầu tư Dự án kinh doanh dịch vụ trạm sạc V-Green tại số 06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, thành phố Hồ Chí Minh. Dự án không hình thành pháp nhân mới, trong đó, Công ty tham gia góp vốn với tỷ lệ 50% trên tổng vốn đầu tư cho Dự án là 700.000.000 VND. Lợi nhuận được chia định kỳ cuối mỗi quý theo tỷ lệ vốn góp của các bên tham gia góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Nợ xấu

| | 31/12/2025 (VND) | | | 01/01/2025 (VND) | | |
|--------------------------------------|---|----------------------|---------------------------------------|---|----------------------|---------------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi Dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi Dự phòng |
| Các khoản phải thu khách hàng | | 9.164.137.064 | 79.561.441 (9.084.575.623) | | 9.080.015.621 | 617.912.814 (8.462.102.807) |
| Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội | Từ 02 năm đến 03 năm và trên 03 năm | 8.969.487.575 | 79.561.441 (8.889.926.134) | Từ 02 năm đến 03 năm và trên 03 năm | 8.927.262.165 | 617.912.814 (8.309.349.351) |
| Các đối tượng khác | Trên 03 năm | 194.649.489 | - (194.649.489) | Trên 03 năm | 152.753.456 | - (152.753.456) |
| Phải thu khác | | - | - | | 36.671.526 | - (36.671.526) |
| Ông Phạm Huy Toàn | | - | - | Trên 03 năm | 36.671.526 | - (36.671.526) |
| Tổng | | 9.164.137.064 | 79.561.441 (9.084.575.623) | | 9.116.687.147 | 617.912.814 (8.498.774.333) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Hàng tồn kho

| | 31/12/2025 (VND) | | 01/01/2025 (VND) | |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.345.866.038 | (718.312.791) | 4.013.457.755 | (718.312.791) |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 23.680.778 | - | - | - |
| Thành phẩm | 11.304.919.383 | (617.180.424) | 8.617.161.783 | (617.180.424) |
| Hàng hóa | 2.482.493.476 | (665.242.656) | 2.702.730.746 | (665.242.656) |
| Tổng | 18.156.959.675 | (2.000.735.871) | 15.333.350.284 | (2.000.735.871) |

5.8 Chi phí trả trước

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 5.752.394.065 | 4.409.348.371 |
| Chi phí sửa chữa văn phòng | 3.600.053.132 | 1.925.959.018 |
| Chi phí trả trước khác | 2.152.340.933 | 2.483.389.353 |
| b) Dài hạn | 1.187.274.408 | 795.587.672 |
| Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ | 279.462.078 | 33.126.288 |
| Chi phí trả trước khác | 907.812.330 | 762.461.384 |
| Tổng | 6.939.668.473 | 5.204.936.043 |

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn | Tổng |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------------------|------------------------|
| | NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2025 | 88.013.910.802 | 38.803.892.306 | 4.038.523.802 | 130.856.326.910 |
| Tăng trong năm | - | 927.577.778 | - | 927.577.778 |
| Mua trong năm | - | 927.577.778 | - | 927.577.778 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2025 | 88.013.910.802 | 39.731.470.084 | 4.038.523.802 | 131.783.904.688 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2025 | 48.421.248.681 | 33.003.392.540 | 3.607.362.356 | 85.032.003.577 |
| Tăng trong năm | 2.806.306.928 | 1.952.579.553 | 76.116.521 | 4.835.003.002 |
| Khấu hao trong năm | 2.806.306.928 | 1.952.579.553 | 76.116.521 | 4.835.003.002 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2025 | 51.227.555.609 | 34.955.972.093 | 3.683.478.877 | 89.867.006.579 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 39.592.662.121 | 5.800.499.766 | 431.161.446 | 45.824.323.333 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 36.786.355.193 | 4.775.497.991 | 355.044.925 | 41.916.898.109 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 52.278.452.924 VND (tại ngày 01/01/2025 là 50.202.042.139 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Tổng</u> |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2025 | 26.132.193.780 | 592.800.918 | 26.724.994.698 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2025 | <u>26.132.193.780</u> | <u>592.800.918</u> | <u>26.724.994.698</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2025 | 9.336.071.874 | 512.800.922 | 9.848.872.796 |
| Tăng trong năm | 607.725.432 | 20.000.004 | 627.725.436 |
| Khấu hao trong năm | 607.725.432 | 20.000.004 | 627.725.436 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2025 | <u>9.943.797.306</u> | <u>532.800.926</u> | <u>10.476.598.232</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | <u>16.796.121.906</u> | <u>79.999.996</u> | <u>16.876.121.902</u> |
| Tại ngày 31/12/2025 | <u>16.188.396.474</u> | <u>59.999.992</u> | <u>16.248.396.466</u> |

Quyền sử dụng đất của Công ty đặt tại Đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng đất đến năm 2053.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 492.800.918 VND (tại ngày 01/01/2025: 492.800.918 VND).

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>31/12/2025</u> | <u>01/01/2025</u> |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Xây dựng cơ bản | | |
| Công trình VTB Green Building (i) | 9.330.512.273 | 9.330.512.273 |
| Tổng | <u>9.330.512.273</u> | <u>9.330.512.273</u> |

- (i) Tính đến thời điểm 31/12/2025, Công trình VTB Green Building tại số 06 Phạm Văn Hai, quận Tân Bình, phường 2, Tp. Hồ Chí Minh (nay là 06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh) đang trong thời gian giải quyết các vấn đề pháp lý, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện công trình. Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 51/2024/NQ-VTB-HĐQT ngày 11/10/2024 về việc tiếp tục thực hiện các phần việc của dự án tại Khu đất nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|----------------------|--------------------|
| a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 1.004.003.442 | 892.447.504 |
| Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 1.004.003.442 | 892.447.504 |
| <i>Trong đó,</i> | | |
| <i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i> | <i>20%</i> | <i>20%</i> |

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2025 (VND) | | 01/01/2025 (VND) | |
|---|----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty Cổ phần Sợi An Việt | 156.067.020 | 156.067.020 | 54.289.224 | 54.289.224 |
| Công ty TNHH Nissin Logistics (VN) | 11.884.010 | 11.884.010 | 49.210.070 | 49.210.070 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tin học K&C | 1.785.138.106 | 1.785.138.106 | - | - |
| Công ty CP Công nghệ Thông tin VTB | 1.545.731.979 | 1.545.731.979 | - | - |
| Phải trả người bán khác | 2.616.058.007 | 2.616.058.007 | 121.796.714 | 121.796.714 |
| Tổng | 6.114.879.122 | 6.114.879.122 | 225.296.008 | 225.296.008 |

Trong đó,

Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

| | | | |
|----------------------|----------------------|----------|----------|
| <i>1.545.731.979</i> | <i>1.545.731.979</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
|----------------------|----------------------|----------|----------|

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

| | 01/01/2025 | | 31/12/2025 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm |
| Phải nộp | 1.668.665.740 | 24.590.077.803 | 23.891.150.432 | 2.367.593.111 |
| Thuế giá trị gia tăng | 699.656.517 | 6.295.243.344 | 6.668.738.797 | 326.161.064 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 167.247.183 | 167.247.183 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 952.441.303 | 4.316.781.562 | 3.273.826.277 | 1.995.396.588 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 16.567.920 | 711.198.139 | 681.730.600 | 46.035.459 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 12.929.409.436 | 12.929.409.436 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 170.198.139 | 170.198.139 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Chi phí phải trả

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a) Ngắn hạn | 3.419.738.230 | 2.383.073.723 |
| Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam | 497.235.027 | 291.920.064 |
| Trích trước chi phí bảo vệ | 193.050.000 | 185.625.000 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn khác | 2.729.453.203 | 1.905.528.659 |
| a) Dài hạn | 15.720.017.195 | 12.962.237.505 |
| Trích trước phân phân bổ chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái | 5.020.017.230 | 4.462.237.505 |
| Chi phí phải trả dài hạn khác | 10.699.999.965 | 8.500.000.000 |
| Tổng | 19.139.755.425 | 15.345.311.228 |

5.16 Phải trả khác

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a) Ngắn hạn | 248.765.701 | 9.909.744.015 |
| Kinh phí công đoàn | 48.388.420 | 47.891.560 |
| Bảo hiểm xã hội | 26.011.320 | 13.424.895 |
| Cổ tức phải trả | 171.977.100 | 9.834.038.700 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 2.388.861 | 14.388.860 |
| b) Dài hạn | 9.843.522.547 | 9.932.916.491 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 9.843.522.547 | 9.932.916.491 |
| Tổng | 10.092.288.248 | 19.842.660.506 |

Trong đó,

*Phải trả cho các bên liên quan
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

- 5.989.464.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

| | 31/12/2025 (VND) | | Trong năm (VND) | | 01/01/2025 (VND) | |
|--|------------------|--------------------------|-----------------|----------------|------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Các khoản vay ngắn hạn | - | - | 9.130.000.000 | 11.984.779.000 | 2.854.779.000 | 2.854.779.000 |
| <i>Vay ngắn hạn</i> | - | - | 9.130.000.000 | 11.984.779.000 | 2.854.779.000 | 2.854.779.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định | - | - | 9.130.000.000 | 11.984.779.000 | 2.854.779.000 | 2.854.779.000 |
| Tổng | - | - | 9.130.000.000 | 11.984.779.000 | 2.854.779.000 | 2.854.779.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|--|---------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số dư tại ngày 01/01/2024 | 119.820.500.000 | 69.306.398.800 | (22.877.138.591) | 7.335.740.792 | 6.025.465.578 | 179.610.966.579 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 11.597.620.055 | 11.597.620.055 |
| Chia cổ tức năm 2023 | - | - | - | - | (4.321.808.000) | (4.321.808.000) |
| Trích quỹ phúc lợi | - | - | - | - | (1.250.000.000) | (1.250.000.000) |
| Trích khen thưởng người điều hành Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát | - | - | - | - | (150.000.000) | (150.000.000) |
| Tạm ứng cổ tức năm 2024 | - | - | - | - | (5.402.260.000) | (5.402.260.000) |
| Số dư tại ngày 31/12/2024 | 119.820.500.000 | 69.306.398.800 | (22.877.138.591) | 7.335.740.792 | 6.499.017.633 | 180.084.518.634 |
| Số dư tại ngày 01/01/2025 | 119.820.500.000 | 69.306.398.800 | (22.877.138.591) | 7.335.740.792 | 6.499.017.633 | 180.084.518.634 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | 16.764.302.477 | 16.764.302.477 |
| Chia cổ tức năm 2024 (i) | - | - | - | - | (4.321.808.000) | (4.321.808.000) |
| Trích quỹ phúc lợi (i) | - | - | - | - | (1.300.000.000) | (1.300.000.000) |
| Trích khen thưởng người điều hành Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (i) | - | - | - | - | (150.000.000) | (150.000.000) |
| Tạm ứng cổ tức năm 2025 (ii) | - | - | - | - | (5.402.260.000) | (5.402.260.000) |
| Số dư tại ngày 31/12/2025 | 119.820.500.000 | 69.306.398.800 | (22.877.138.591) | 7.335.740.792 | 12.089.252.110 | 185.674.753.111 |

- (i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2025/NQ-VTB-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025:
- Trích Quỹ phúc lợi: 1.300.000.000 VND; Trích khen thưởng người điều hành Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: 150.000.000 VND;
 - Chia cổ tức: 9%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 9.724.068.000 VND, trong đó phần đã tạm ứng cổ tức năm 2024 (5%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 5.402.260.000), phần còn lại được chia vào năm 2025 là 4%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 4.321.808.000 VND.
- (ii) Công ty tạm ứng cổ phiếu (lần 1) năm 2025 bằng tiền với mức 5% trên mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/2025/NQ-VTB-HĐQT ngày 14/10/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

| | 12/31/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam | 66.549.600.000 | 66.549.600.000 |
| Các cổ đông khác | 53.270.900.000 | 53.270.900.000 |
| Tổng | 119.820.500.000 | 119.820.500.000 |

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp tại đầu năm | 119.820.500.000 | 119.820.500.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp tại cuối năm | 119.820.500.000 | 119.820.500.000 |
| Cổ tức đã chia | 9.724.068.000 | 9.724.068.000 |

d. Cổ phiếu

| | 12/31/2025 Cổ phiếu | 1/1/2025 Cổ phiếu |
|---|------------------------|----------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.982.050 | 11.982.050 |
| Cổ phiếu phổ thông | 11.982.050 | 11.982.050 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 1.177.530 | 1.177.530 |
| Cổ phiếu phổ thông | 1.177.530 | 1.177.530 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.804.520 | 10.804.520 |
| Cổ phiếu phổ thông | 10.804.520 | 10.804.520 |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)</i> | <i>10.000</i> | <i>10.000</i> |

e. Các quỹ của doanh nghiệp

| | 12/31/2025 VND | 1/1/2025 VND |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 7.335.740.792 | 7.335.740.792 |
| Tổng | 7.335.740.792 | 7.335.740.792 |

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

a. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đang quản lý, sử dụng các thửa đất thuê của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty có trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất theo Thông báo của Thuế địa phương nơi các thửa đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 128.184.109.686 | 102.110.712.598 |
| Tổng | 128.184.109.686 | 102.110.712.598 |
| <i>Trong đó,</i> | | |
| <i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i> | <i>24.057.315.077</i> | <i>12.182.066.461</i> |
| Chiết khấu thương mại | 86.895.501 | 58.962.384 |
| Hàng bán bị trả lại | 23.454.546 | - |
| Tổng | 110.350.047 | 58.962.384 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 128.073.759.639 | 102.051.750.214 |
| Tổng | 128.073.759.639 | 102.051.750.214 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 (Trình bày lại) VND |
|--|-----------------------|------------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp | 59.646.710.180 | 50.360.029.006 |
| Tổng | 59.646.710.180 | 50.360.029.006 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 3.154.499.884 | 2.920.539.590 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 80.754.843 | 79.789.049 |
| Tổng | 3.235.254.727 | 3.000.328.639 |

6.4 Chi phí tài chính

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------|-------------------|
| Chi phí lãi vay | 30.281.401 | 60.243.716 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | (28.770.165) | (5.277.475) |
| Tổng | 1.511.236 | 54.966.241 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.5 Chi phí bán hàng

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 (Trình bày lại) VND |
|---------------------------|-----------------------|------------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 8.418.565.520 | 7.524.876.615 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 163.789.577 | 92.852.858 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 5.387.817.245 | 5.511.878.148 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.795.379.769 | 2.563.605.596 |
| Chi phí bằng tiền khác | 17.927.844.993 | 8.832.444.639 |
| Tổng | 34.693.397.104 | 24.525.657.856 |

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 10.157.157.717 | 9.737.561.040 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 251.578.468 | 326.845.678 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 119.706.104 | 192.038.219 |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 659.576.268 | 600.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 947.316.650 | 648.124.959 |
| Chi phí bằng tiền khác | 3.836.072.671 | 4.057.790.955 |
| Tổng | 15.971.407.878 | 15.562.360.851 |

6.7 Lợi nhuận khác

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Thu nhập khác | | |
| Thu tiền phạt hợp đồng | 166.107.752 | 180.725.714 |
| Các khoản khác | 36.343.163 | 90.771.283 |
| Tổng | 202.450.915 | 271.496.997 |

Chi phí khác

| | | |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi hỗ trợ người lao động | 60.000.000 | - |
| Các khoản khác | 168.910.782 | 284.960.554 |
| Tổng | 228.910.782 | 284.960.554 |

Lợi nhuận khác

| | | |
|--|---------------------|---------------------|
| | (26.459.867) | (13.463.557) |
|--|---------------------|---------------------|

Trong đó,

*Thu nhập khác với các bên liên quan
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

| | | |
|--|--------------------|--------------------|
| | 158.897.949 | 199.799.381 |
|--|--------------------|--------------------|

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 20.969.528.101 | 14.535.601.342 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 614.379.708 | 712.084.784 |
| Trích trước chi phí thuế đất | 557.779.725 | 557.779.708 |
| Khu công nghiệp Cát Lái chưa đủ hồ sơ | 56.599.983 | 154.305.076 |
| Các khoản chi phí không được trừ khác | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp | 21.583.907.809 | 15.247.686.126 |
| Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp | 21.583.907.809 | 15.247.686.126 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm | 4.316.781.562 | 3.049.537.225 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 4.316.781.562 | 3.049.537.225 |

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (111.555.938) | (111.555.938) |
| Tổng | (111.555.938) | (111.555.938) |

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 35.782.254.915 | 12.884.414.193 |
| Chi phí nhân công | 50.152.877.306 | 22.253.474.475 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.462.728.438 | 5.705.433.037 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.084.987.683 | 3.512.668.049 |
| Chi phí khác bằng tiền | 18.679.495.238 | 19.487.402.839 |
| Tổng | 114.162.343.580 | 63.843.392.593 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

| STT | Bên liên quan | Mối quan hệ |
|-----|---|-------------------|
| 1 | Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam | Công ty mẹ |
| 2 | Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB | Công ty con |
| 3 | Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | Công ty con |
| 4 | Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội | Công ty con |
| 5 | Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc | Công ty liên kết |
| 6 | Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, những người quản lý khác tại Công ty và các thành viên lân cận trong gia đình của các cá nhân này | Ảnh hưởng đáng kể |

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các Bên liên quan như sau:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

| Các bên liên quan | Tính chất giao dịch | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|--|---------------|---------------|
| | | VND | VND |
| Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và người quản lý khác | Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng, và các khoản thu nhập khác | 1.184.317.000 | 1.144.471.000 |

*Trong đó:***Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác**

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-----------------------|---|--------------------|--------------------|
| Ông Phạm Nguyên Anh | Chủ tịch HĐQT (đến ngày 01/12/2025) | 31.000.000 | |
| Ông Trần Đình Khôi | Chủ tịch HĐQT (từ ngày 01/12/2025) | 37.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Vũ Hải Vĩnh | Nguyên Chủ tịch HĐQT | 16.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Vũ Dương Ngọc Duy | Nguyên Thành viên | | 12.000.000 |
| Ông Văn Viết Tuấn | Thành viên | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Đào Trung Thanh | Thành viên | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Giáp Minh Trung | Nguyên Thành viên | 12.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Tường | Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/4/2025) | 24.000.000 | |
| Tổng | | 192.000.000 | 192.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)*Thù lao của Ban Kiểm soát*

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-----------------------|---|--------------------|--------------------|
| Bà Lê Thị Lan | Trưởng ban | 139.711.000 | 132.955.000 |
| Ông Nguyễn Phước Hiệp | Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/4/2025) | 16.000.000 | - |
| Bà Đặng Thị Hạnh | Thành viên | 153.991.000 | 125.919.000 |
| Ông Vũ Văn Tuấn | Nguyên thành viên | 8.000.000 | 24.000.000 |
| Tổng | | 317.702.000 | 282.874.000 |

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---------------------|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Ông Văn Việt Tuấn | Tổng Giám đốc | 310.967.000 | 308.340.000 |
| Ông Đào Trung Thanh | Phó Tổng Giám đốc | 257.598.000 | 254.271.000 |
| Ông Võ Sang Bảnh | Người phụ trách quản trị Công ty | 106.050.000 | 106.986.000 |
| Tổng | | 674.615.000 | 669.597.000 |

b. Giao dịch với các bên liên quan

| Các bên liên quan | Tính chất giao dịch | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------------|-----------------|-----------------|
| <u>Bán hàng</u> | | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB | Hàng hóa, dịch vụ | 24.057.315.077 | 12.182.066.461 |
| Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội | Hàng hóa, dịch vụ | 69.104.900 | 648.968.703 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | Hàng hóa, dịch vụ | 2.103.883.000 | 133.441.845 |
| | | 21.884.327.177 | 11.399.655.913 |
| <u>Mua hàng</u> | | | |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | Hàng hóa, dịch vụ | 6.886.269.318 | 139.000.000 |
| | | 6.886.269.318 | 139.000.000 |
| <u>Giao dịch khác</u> | | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam | Chia cổ tức | 5.989.464.000 | 5.989.464.000 |
| | | 5.989.464.000 | 5.989.464.000 |
| <u>Thu nhập khác</u> | | | |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | Phạt lãi nợ quá hạn | 158.897.949 | 199.799.381 |
| | | 158.897.949 | 175.987.569 |
| Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB | Các khoản khác | - | 23.811.812 |
| | | - | 23.811.812 |
| <u>Chi phí khác</u> | | | |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | Hỗ trợ lãi quá hạn | 158.897.949 | 175.987.569 |
| | | 158.897.949 | 175.987.569 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

| <u>Bên liên quan</u> | <u>31/12/2025</u> <u>VND</u> | <u>01/01/2025</u> <u>VND</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| <u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u> | 17.362.460.583 | 16.910.904.019 |
| Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB | 167.336.520 | 241.632.630 |
| Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội | 8.969.487.575 | 8.927.262.165 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | 8.225.636.488 | 7.742.009.224 |
| <u>Phải thu khác ngắn hạn</u> | 475.426.539 | 4.738.145 |
| Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB | 11.947.948 | 4.738.145 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | 463.478.591 | - |
| <u>Phải trả người bán ngắn hạn</u> | 1.545.731.979 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | 1.545.731.979 | - |
| <u>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</u> | 400.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB | 400.000.000 | - |
| <u>Phải trả khác</u> | - | 5.989.464.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam | - | 5.989.464.000 |

7.2 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty đã thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 với Công ty Quản lý nhà & Phát triển Nhà Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty TNHH Dịch vụ Công ích Quận 2) về việc thuê và cho thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2), Quận 2 - Tp. Hồ Chí Minh. Cho đến thời điểm 31/12/2025, Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 VND trên tổng giá thanh toán bằng ngoại tệ là 1.228.800 USD (theo Hợp đồng nguyên tắc), đồng thời theo dõi trên số dư khoản mục "Trả trước cho người bán dài hạn". Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các bên chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất chính thức. Do vậy, số tiền thuê đất có thể thay đổi khi chính thức ký Hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu và các thuyết minh liên quan của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng để đảm bảo số liệu năm nay phù hợp và có thể so sánh được với số liệu năm trước:

Báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 (tóm lược)

| | Mã số | Năm 2024 | Năm 2024 | Chênh lệch VND | Ghi chú |
|---|-------|--------------------|---------------------|-----------------|---------|
| | | (Đã trình bày) VND | (Trình bày lại) VND | | |
| Giá vốn hàng bán | 25 | 43.762.861.761 | 50.360.029.006 | 6.597.167.245 | (i) |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 58.288.888.453 | 51.691.721.208 | (6.597.167.245) | |
| Chi phí bán hàng | 25 | 31.122.825.101 | 24.525.657.856 | (6.597.167.245) | (i) |

(i) Phân loại lại chi phí nhà xưởng phục vụ sản xuất.

Người lập biểu

Hà Ngọc Yến

Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Văn Viết Tuấn